



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 52 (25/12-29/12/23)

Tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp cho tầm nhìn đầu tư năm 2024

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp cho tầm nhìn đầu tư năm 2024*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index củng cố vùng kênh giá dưới*

4. TIN VĨ MÔ: *Châu Âu: CPI tháng 11/2023 +2.4% YoY. CPI lõi +3.6% YoY*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Ô tô và phụ tùng +4.44%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp cho tầm nhìn đầu tư năm 2024

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1103.06	0.07%
GTGD/phiên (tỷ VND)	10,230.71	-22.65%
Khối ngoại (tỷ VND)	-2692.25	
HNX-INDEX	228.27	0.55%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1129.21	-30.39%
Khối ngoại (tỷ VND)	18.34	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4754.63	0.17%	0.75%	4.28%
EU (EURO STOXX)	4521.47	-0.07%	-0.61%	3.42%
China (SHCOMP)	2914.78	-0.13%	-0.94%	-4.15%
Japan (NIKKEI)	33169.05	0.09%	0.60%	-1.36%
Korea (KOSPI)	2599.51	-0.02%	1.40%	4.12%
Singapore (STI)	3140.32	0.89%	0.76%	1.47%
Thailand (SET)	1405.09	0.02%	1.01%	0.55%
Phillipines (PCOMP)	6501.00	0.49%	0.35%	3.69%
Malaysia (KLCI)	1454.38	-0.08%	-0.55%	0.03%
Indonesia (JCI)	7237.52	0.39%	0.65%	3.25%
Vietnam (VNIndex)	1103.06	0.06%	0.07%	0.68%

TTCK VIỆT NAM

TT vẫn bền bỉ tích lũy vùng giá thấp trong tuần khối ngoại bán ròng

VN-Index phục hồi sau phiên giảm mạnh để duy trì mức tăng 0.1% trong tuần khối ngoại tiếp tục bán ròng 104 triệu USD. Thị trường phân hóa với 48% và 10/18 ngành tăng điểm. Trong bối cảnh thị trường giằng co đi ngang, những ngành chưa tăng giá như Ô tô và phụ tùng, Bán lẻ, Hàng cá nhân có mức tăng trên 2%, ở chiều ngược lại Ngân hàng, Tiện ích và Công nghệ có mức giảm dưới 1%. Thị trường chỉ còn 1 tuần giao dịch là kết thúc năm tài chính 2023 và là thời điểm cho những toán tính hiệu suất đầu tư danh mục đầu tư năm 2023 cũng như cân đối và định hướng danh mục cho năm 2024. NĐT do vậy cân nhắc tăng tỷ trọng cổ phiếu ở vùng giá thấp cho định hướng đầu tư cho năm 2024.

Theo thống kê NHNN chi nhánh TPHCM, lượng kiều hối chuyển qua NHTM và tổ chức kinh tế TPHCM đạt 8.92% USD trong năm 2023, tăng 35% so với 2022. Lượng kiều hối dự kiến sẽ tăng 20% trong năm 2024. Cùng với giải ngân đầu tư FDI, các khoản vay quốc tế, cán cân xuất khẩu thặng dư thương mại và khách du lịch gia tăng, kiều hối đang đóng vai trò quan trọng việc ổn định tỷ giá. Tỷ giá sau biến động phức tạp trong tháng 10 và 11 đã ổn định. Tỷ giá trung tâm đang được SBV công bố ở mức 23,920 VND/USD kéo theo tỷ giá niêm yết tại NHTM và tự do giảm đáng kể so với đỉnh. Tỷ giá ổn định tạo điều kiện cho SBV tiếp tục duy trì hỗ trợ thanh khoản qua đó duy trì mặt bằng lãi suất và kéo lãi suất huy động của các NHTM tiếp tục giảm.

TTCK THẾ GIỚI

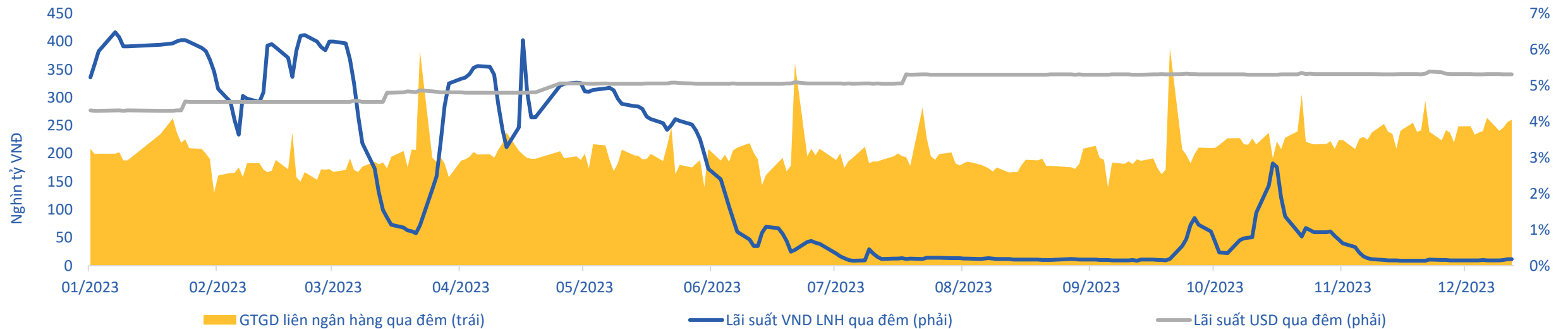
TTCK Hoa Kỳ tiếp tục thăng hoa sau phiên chốt lãi giữa tuần

Sau phiên giảm mạnh từ hoạt động chốt lãi ngắn hạn, các chỉ số CK Hoa Kỳ tiếp tục duy trì đà tăng để hướng về các đỉnh kỷ lục mới với mức tăng bình quân 0.4%. Diễn biến thị trường khá tương đồng với EU600 và Nikkei 225. TTCK Trung Quốc ngược lại duy trì chuỗi giảm điểm 6 tuần liên tiếp, dài nhất kể từ 2012. Trái ngược lại kỳ vọng kinh tế Trung Quốc hồi phục mạnh sau khi gỡ bỏ Covid, hồi phục kinh tế không như kỳ vọng và khủng hoảng bất động sản gây thất vọng cho NĐT. Lợi tức trái phiếu Hoa Kỳ 10y giảm 0.06% về mức 3.86%, chỉ số DXY tiếp tục giảm -0.8%, mở rộng mức giảm 1.96% trong tháng. Chỉ số hàng hóa lại tăng 0.47%, dẫn đầu từ đà hồi phục giá dầu +4.2% và các kim loại quý (Vàng+1.8%, Bạc+2.7%). Khi không có nhiều thông tin vào cuối năm, các thị trường vận động theo kỳ vọng lãi suất giảm trong tuần tới.

Các ngân hàng toàn cầu nhận định Hoa kỳ sẽ không suy thoái trong năm 2024 khác biệt so với quan điểm trong 2 năm qua. Các NH đều cho rằng tăng trưởng toàn cầu bị kìm hãm do lãi suất cao, giá dầu tăng và kinh tế Trung Quốc suy yếu. Dù vậy, theo khảo sát tổ chức tư vấn Conference Board vẫn có đến 30% người tiêu dùng Hoa Kỳ cho rằng suy thoái rất có thể xảy ra trong năm tới và thăm dò Reuters với các nhà kinh tế thể hiện xác suất suy thoái trong vòng 1 năm vẫn ở 45%. Dữ liệu việc làm mới Hoa Kỳ công bố 21/12 đang ở mức thấp nhất trong lịch sử trong khi chỉ số PCE lõi điều chỉnh giảm chỉ tăng 2% trong quý III2023, thấp nhất kể từ quý IV2023 vẫn đang củng cố nhận định của các NH toàn cầu về khả năng hạ cánh mềm của Hoa Kỳ trong năm 2024.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.17%	0.44%	1.14%	1.47%	3.26%	5.26%	5.95%
So với tuần trước	0.02%	0.07%	0.57%	0.31%	-0.12%	0.13%	-0.09%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	251,222.00	13,604	6,077	8,759	2,871	462	11
So với tuần trước	2.60%	7.13%	214.26%	11.54%	35.37%	366.16%	-3.51%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 21/12/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi trong tuần với thanh khoản tăng nhẹ.

PTKT VN-INDEX: VN-Index củng cố vùng kênh giá dưới

Đồ thị ngày: Lực cầu bắt đáy tại kênh giá dưới 1,087 điểm là điểm nhấn lớn nhất trong tuần qua. VN-Index hình thành cây nến hammer hồi phục trở lại vùng hộp tích lũy. Diễn biến hồi phục dù vậy vẫn khó khăn, chỉ số chưa thể vượt được SMA20 và vẫn trong tầm khống chế của phiên giảm điểm ngày 18/12. Các chỉ báo kỹ thuật ở mức trung tính chưa cho thấy chỉ số sớm thoát khỏi vùng tích lũy đi ngang.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng nhẹ từ 46 lên 47 điểm.
- MACD nằm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 21% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: Cây nến hammer 19/12 cho thấy hoạt động bắt đáy tại vùng giá thấp vẫn khá mạnh. Mặc dù phiên tăng điểm này chưa thể thay đổi xu hướng nhưng đã cắt chuỗi 4 phiên giảm liên tiếp và giảm bớt áp lực tâm lý cho thị trường. Chỉ số cũng chưa vượt các đường trung bình động ngắn hạn, thanh khoản suy giảm tiếp tục báo hiệu khả năng tiếp tục giằng co quanh ngưỡng tâm lý 1,100 điểm, qua đó củng cố vùng kênh giá dưới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Châu Âu: CPI tháng 11/2023 +2.4% YoY. CPI lõi +3.6% YoY

VIỆT NAM:

- Thủ tướng Chính phủ: Vừa ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến cấp mới giấy phép khai thác hàng trăm khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng.
- Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN: Đến 13/12/2023, tín dụng tăng 9.87% so với cuối năm 2022.
- Hội đồng Tiền lương Quốc gia: Thống nhất mức đề xuất tăng 6% lương tối thiểu trong năm 2024, áp dụng từ ngày 1/7/2024 để khuyến nghị Chính phủ.
- Bộ Tài chính: Dự toán thu ngân sách nhà nước 1.7 triệu tỷ đồng, dự toán chi 2.11 triệu tỷ đồng trong năm 2024, tăng thu từ đất cao hơn 50%.
- Cục Thủy sản: Đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 9.5 tỷ USD trong năm 2024.
- (NHNN) chi nhánh TPHCM: Kiều hối về TPHCM năm 2023 đạt gần 9 tỷ USD, tăng 35%. Dự báo trong năm 2024, lượng kiều hối chuyển về sẽ tăng khoảng 20% so với năm 2023.
- Hội đồng Tiền lương Quốc gia: Hợp đề xuất tăng lương tối thiểu vùng năm 2024 ngày 20/12/2023.
- Dự kiến từ ngày 29/12 sẽ điều chỉnh tăng giá vé tại 47 trạm thu phí BOT đường bộ. Giá vé sẽ tăng từ 0.2 – 1.4%.
- WB: Nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Việt Nam có thể xem xét gia hạn các chương trình hỗ trợ kinh tế sang năm 2024.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP quý 3/2023 (đã điều chỉnh lần 3) +4.9% QoQ, thấp hơn dự kiến là +5.2% QoQ.
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc ngày 16/12 là 205 nghìn, thấp hơn dự kiến là 215 nghìn (trước đó: 202 nghìn).
- Châu Âu: CPI tháng 11/2023 +2.4% YoY, khớp với dự báo (trước đó: +2.9% YoY). CPI lõi +3.6% YoY, khớp với dự báo (trước đó: +4.2% YoY).
- BoJ: Tiếp tục duy trì CSTT siêu nới lỏng, khớp với dự báo.
- Anh: Phó thống đốc BoE đưa ra quan điểm cần duy trì CSTT thắt chặt trong một thời gian dài do lạm phát đang giảm nhưng vẫn ở mức cao và thị trường lao động vẫn còn nóng.
- Anh: CPI tháng 11/2023 +3.9% YoY, thấp hơn dự báo +4.4% YoY (trước đó: +4.6% YoY). CPI lõi +5.1% YoY, thấp hơn dự báo +5.6% YoY (trước đó: +5.7% YoY).
- Anh: Doanh số bán lẻ CBI tháng 12/2023 đạt -32, giảm mạnh từ -11 của tháng trước, cho thấy tình trạng tài chính eo hẹp của hộ gia đình và mặt bằng lãi suất cao tiếp tục ảnh hưởng tới chi tiêu người tiêu dùng.
- Trung Quốc: PBoC cho biết sẽ duy trì thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Thông báo này được đưa ra sau thông tin về việc các ngân hàng lớn tại nước này được cho là sẽ cắt giảm lãi suất tiền gửi.
- Trung Quốc: PBoC giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) trong tháng 12. Lãi suất LPR kỳ hạn 1 năm: 3.45%; lãi suất LPR kỳ hạn 5 năm: 4.2%.
- Nhật Bản: Văn phòng Nội các ước tính GDP danh nghĩa của nước này sẽ lần đầu tiên vượt mức 600,000 tỷ Yên (4,200 tỷ USD) trong năm tài khóa 2024.

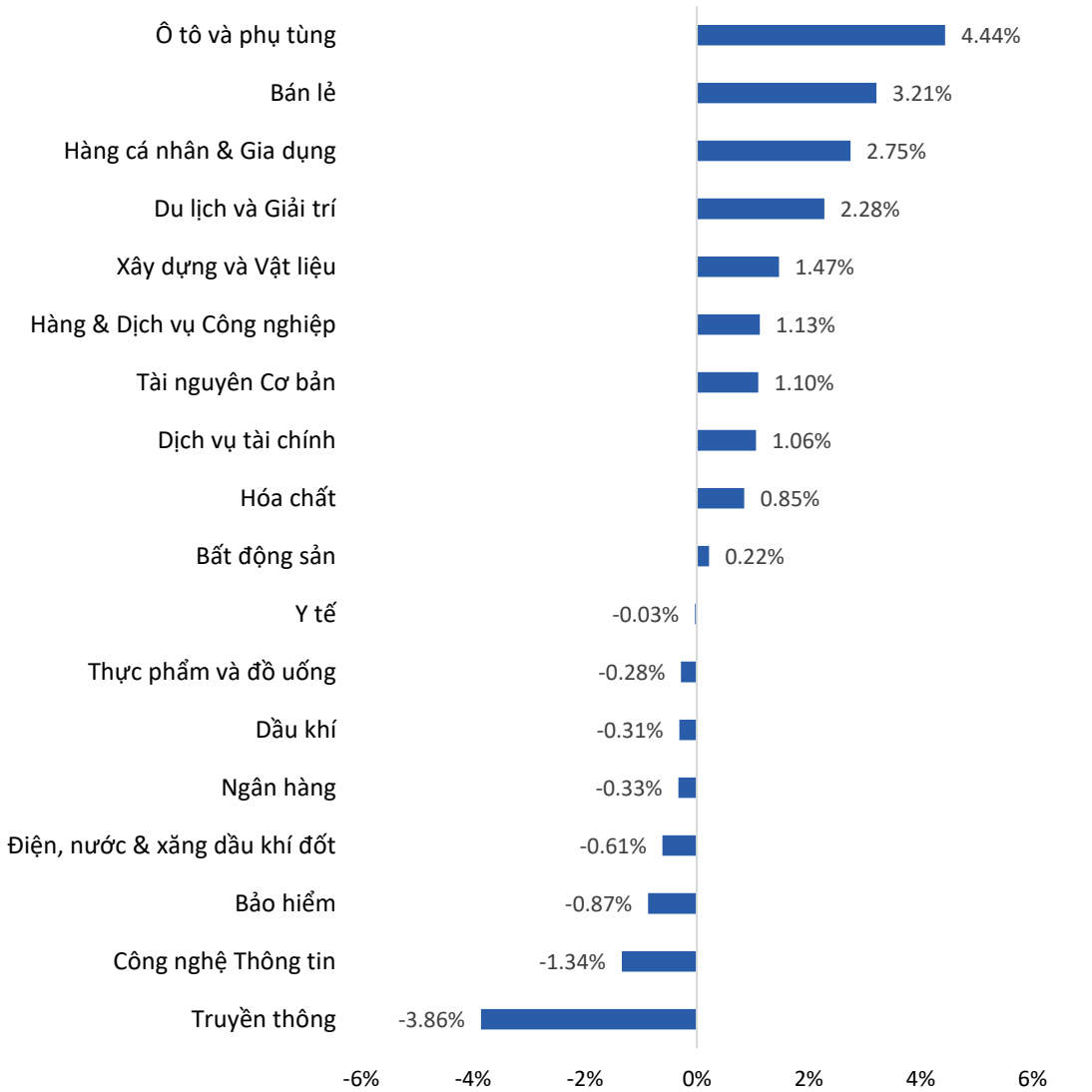
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 12 và cả năm 2023;
- 24-26/12, Chủ tịch BOJ phát biểu; CPI Nhật Bản. 27/12, Chỉ số sản xuất Richmond Hoa Kỳ. 28/12, Chỉ số sản xuất và doanh thu bán lẻ Nhật Bản; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 29/12, Chỉ số PMI Trung Quốc; PMI Chicago Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Ô tô và phụ tùng	1.67%	4.44%	5.19%	VEA	3.31%	
Bán lẻ	-0.46%	3.21%	4.60%	MWG	-7.26%	PNJ 0.27%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.17%	2.75%	1.61%	TCM	1.10%	TNG 2.33%
Du lịch và Giải trí	0.77%	2.28%	-1.00%	HVN	-0.47%	VJC 6.71%
Xây dựng và Vật liệu	0.58%	1.47%	2.07%	CTD	4.93%	HT1 2.17%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.56	-0.45%	2.48%	-2.92%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	79.07	-0.40%	3.29%	-1.75%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	213.01	-1.32%	-0.32%	-0.30%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2053.0801	0.35%	1.66%	2.61%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.1883	-0.89%	1.39%	-0.58%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1306.25	0.35%	-1.90%	-3.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	616.25	0.61%	-2.07%	6.76%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.43	-0.06%	-2.96%	-6.14%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	242.5	1.04%	1.85%	-8.83%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	20.62	1.88%	-6.23%	-23.57%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	192.8	-0.41%	1.85%	14.66%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8573.5	-0.26%	0.29%	1.72%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4002	1.21%	1.78%	1.27%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2326	3.65%	3.49%	4.96%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	973	2.58%	3.18%	3.79%		HPG
Than đá	USD/MT	141.25	-0.28%	-1.05%	9.16%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4122	1.28%	1.85%	2.82%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	0.02%	1.21
MWG	0.04%	0.59
ACB	0.02%	0.44
VHM	0.01%	0.44
VJC	0.03%	0.44
PNJ	0.06%	0.38
HPG	0.01%	0.37
GVR	0.02%	0.35
MBB	0.01%	0.33
VRE	0.02%	0.23
Tổng		4.78

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-0.02%	-1.83
VPB	-0.03%	-1.10
GAS	-0.02%	-0.75
VIC	-0.01%	-0.53
FPT	-0.02%	-0.51
SAB	-0.02%	-0.42
CTG	-0.01%	-0.30
VNM	-0.01%	-0.26
PLX	-0.01%	-0.16
ITA	-0.09%	-0.15
Tổng		-6.01

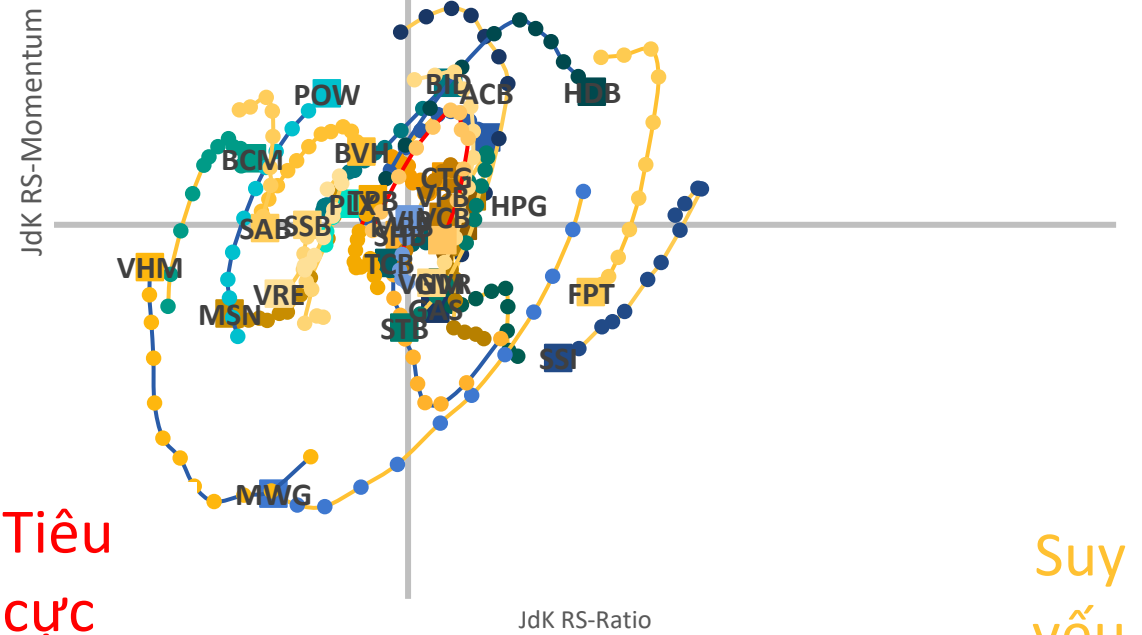
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	195.38	8.65
IDC	75.31	1.49
FTS	40.27	27.86
HDG	32.41	23.36
NLG	26.82	41.66
VRE	26.13	33.34
VGX	24.34	0.00
BMP	21.95	83.25
HAG	21.41	2.53
PVD	21.00	22.09
Tổng	485.02	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-353.95	24.81
EIB	-276.23	3.02
VNM	-227.29	55.16
STB	-222.36	23.50
SSI	-183.10	
FUEVFN	-176.89	
VND	-174.14	22.84
HCM	-161.64	43.53
VCB	-138.22	23.53
VPB	-135.52	13.72
Tổng	-2049.34	

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	104.4345	102.3251
BID	102.2781	103.7883
CTG	102.1792	101.2802
HDB	110.3991	103.5499
HPG	103.6267	100.754
VCB	102.0363	100.2067
VIB	100.1035	100.1312
VJC	109.1302	104.0716
BCM	91.20315	101.7696
BVH	97.37622	101.9471
PLX	96.84174	100.5547
POW	95.43077	103.5028
TPB	98.02659	100.6736
FPT	110.352	98.19072
GAS	101.5537	97.74643
GVR	101.9749	98.4499
MBB	103.1072	99.96495
SSI	108.5026	96.43355
VNM	101.333	98.44021
VPB	101.951	99.57805
MSN	89.94286	97.61897
MWG	92.40674	92.80496
SAB	91.94923	99.90774
SHB	99.54418	99.71427
SSB	94.32033	99.9859
STB	99.79806	97.24806
TCB	98.96255	98.97386
VHM	85.4412	98.85852
VIC	88.19015	99.39485
VRE	92.71564	98.14954

Hồi
phục

Tích
cực

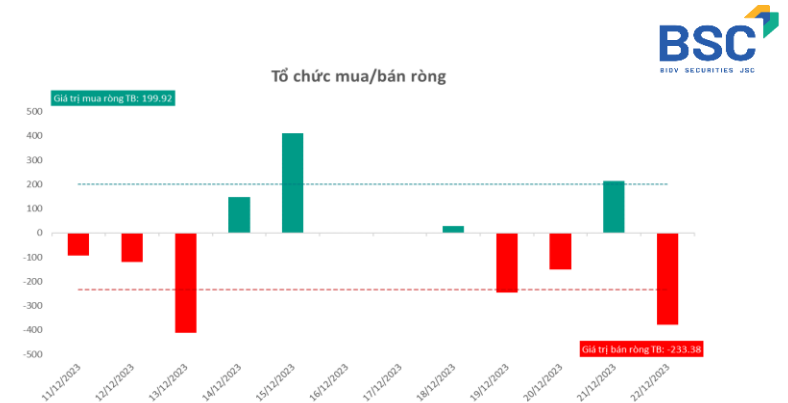
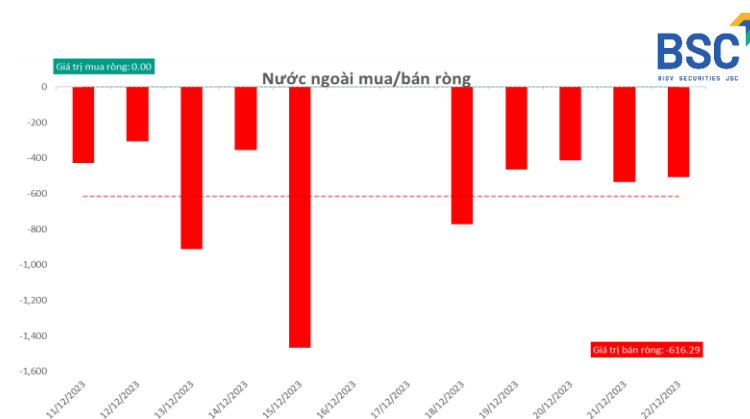
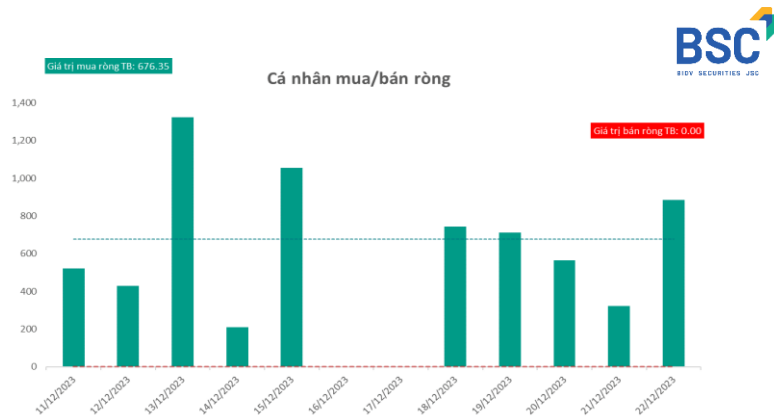


Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFNVD	13,544,100	337.24	STB	4,850,900	-128.46	MWG	4,654,436	195.38	HPG	13,042,543	-353.95	STB	13,719,994	356.39	MWG	2,357,466	-100.53
EIB	14,351,300	266.80	MSN	1,929,100	-124.61	FTS	924,489	40.27	EIB	14,655,492	-276.23	VPB	14,918,534	268.22	ACB	3,274,900	-75.24
NHH	1,200,000	24.36	VPB	5,428,800	-98.56	HDG	1,132,017	32.41	VNM	3,381,768	-227.29	MSN	4,172,282	266.35	EIB	3,335,391	-58.49
HAH	628,800	22.72	MWG	1,738,600	-73.04	NLG	737,058	26.82	STB	8,391,400	-222.36	VCB	2,947,793	238.53	NKG	2,404,437	-57.59
NKG	832,800	19.81	PNJ	849,300	-69.46	VRE	1,151,053	26.13	SSI	5,725,303	-183.10	HPG	8,489,099	229.37	PVT	1,684,735	-48.82
TCB	529,374	18.01	ACB	2,490,610	-57.49	BMP	234,490	21.95	FUEVFNVD	7,097,460	-176.89	VJC	1,982,333	207.71	BID	996,434	-41.60
NBB	720,000	15.93	TPB	2,894,201	-49.50	HAG	1,729,500	21.41	VND	8,003,677	-174.14	VND	9,432,577	205.56	FTS	819,266	-35.68
VNM	89,000	5.94	MBB	2,617,500	-47.27	PVD	751,974	21.00	HCM	5,073,935	-161.64	SSI	5,543,504	177.29	PVD	1,257,174	-35.22
FUESSVFL	315,900	5.59	HPG	1,478,600	-39.85	VJC	191,367	19.86	VCB	1,710,793	-138.22	VNM	2,631,478	176.48	HDG	1,240,417	-35.17
PVT	175,400	4.67	HDB	2,140,200	-39.74	NKG	810,400	19.45	VPB	7,478,634	-135.52	GAS	1,803,665	134.96	HAH	890,079	-32.31

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	80.9	0.00%	0.60	18,580.00	5.30	5,797.00	14.00	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	42.4	1.60%	1.00	9,944.00	2.10	4,025.00	10.50	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	-0.30%	1.10	5,917.00	7.70	1,727.00	10.50	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	30.6	-0.20%	1.20	4,429.00	2.30	5,059.00	6.00	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.3	0.80%	1.20	3,921.00	6.40	3,496.00	5.20	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	27.2	2.30%	1.00	2,107.00	24.90	3,600.00	7.60	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	1.80%	1.80	3,328.00	1.70	714.00	28.40	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.1	0.00%	1.60	981.00	4.70	4,368.00	7.10	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	51.1	0.60%	1.40	693.00	6.30	3,969.00	12.90	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	53.3	-0.20%	1.80	982.00	1.10	2,651.00	20.10	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27	-0.60%	1.40	6,464.00	19.40	(328.00)	-82.40	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	40.3	0.20%	1.20	7,211.00	5.40	10,341.00	3.90	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	0.00%	1.20	2,143.00	1.80	1,588.00	14.50	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	30	0.00%	1.30	987.00	1.20	1,280.00	23.50	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.7	0.00%	1.20	580.00	1.40	1,582.00	23.20	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	90.5	-0.50%	1.40	1,412.00	5.30	10,728.00	8.40	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	32.6	-0.60%	1.00	523.00	2.00	6,403.00	5.10	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	31.6	0.80%	1.40	687.00	1.30	4,286.00	7.40	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	74.7	0.00%	0.70	7,050.00	1.90	5,567.00	13.40	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	33.8	-0.60%	1.00	1,765.00	0.90	2,125.00	15.90	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38.3	0.30%	1.10	752.00	3.70	1,953.00	19.60	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27.8	-0.90%	1.10	635.00	2.00	449.00	61.90	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.40%	0.90	1,083.00	1.90	602.00	18.70	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	67.6	-0.30%	0.70	5,806.00	6.00	3,935.00	17.20	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	63	-1.10%	1.60	3,704.00	5.70	916.00	68.80	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	42.4	-0.70%	1.50	2,545.00	10.60	1,069.00	39.60	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	83.8	-0.10%	0.60	1,130.00	4.60	5,503.00	15.20	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	72.4	-1.40%	0.80	556.00	1.20	7,080.00	10.20	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	68.3	0.40%	0.90	859.00	1.10	7,470.00	9.10	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	94.6	-0.50%	0.80	4,937.00	5.00	4,573.00	20.70	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	26.4	-0.40%	1.00	5,837.00	2.40	3,664.00	7.20	1.10	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	23.2	-0.20%	0.90	3,703.00	4.30	3,722.00	6.20	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	19	1.10%	0.70	2,252.00	5.50	2,765.00	6.90	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.6	1.60%	0.90	1,640.00	1.30	1,410.00	11.10	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.8	0.00%	1.20	1,955.00	1.40	3,534.00	5.30	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.5	-1.10%	1.90	1,076.00	17.40	467.00	46.00	1.70	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	16.9	0.00%	1.10	1,529.00	1.60	2,697.00	6.30	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	32.4	0.50%	1.60	1,993.00	23.20	1,090.00	29.70	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	16.6	-0.90%	1.80	216.00	3.50	318.00	52.10	6.70	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.6	-1.70%	1.90	-	0.30	445.00	26.00	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	65.2	2.00%	1.30	266.00	7.40	681.00	95.70	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.1	-1.60%	1.70	256.00	3.20	919.00	16.40	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	-0.40%	1.60	92.00	0.90	482.00	24.40	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	61.8	0.00%	0.80	2,628.00	1.00	418.00	147.90	3.60	2.70%	1.70%
HUT	KCN	19.4	0.00%	1.80	712.00	2.10	56.00	343.30	4.70	2.00%	1.30%
PHR	KCN	47.5	-0.20%	1.30	264.00	0.30	6,568.00	7.20	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	43.7	2.30%	1.80	216.00	3.80	1,405.00	31.10	3.20	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	21.6	-0.70%	1.90	547.00	4.70	(2,105.00)	-10.30	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12	0.00%	1.40	188.00	0.10	176.00	68.20	0.90	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	24.3	0.00%	2.00	263.00	7.40	(2,655.00)	-9.20	1.30	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	58.5	0.50%	0.50	161.00	0.10	5,309.00	11.00	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	25.6	-0.20%	1.70	80.00	0.70	1,482.00	17.20	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	16.6	0.00%	1.70	1,330.00	5.10	(295.00)	-56.20	0.80	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	18.8	-2.30%	2.20	548.00	9.10	(317.00)	-59.20	0.80	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	32.3	0.00%	1.70	179.00	2.00	2,190.00	14.70	2.30	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	25.8	-1.30%	2.10	647.00	10.30	152.00	169.50	2.00	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	13.9	0.70%	1.60	144.00	0.90	1,597.00	8.70	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.3	-1.10%	1.40	-	2.10	1,596.00	11.50	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.6	0.40%	0.70	354.00	4.10	2,993.00	8.90	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	31.3	-0.30%	1.30	104.00	0.10	1,353.00	23.10	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	26.9	4.10%	0.90	131.00	1.40	1,980.00	13.60	1.80	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	55.8	-1.20%	0.70	937.00	0.90	6,445.00	8.70	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	22.7	0.40%	2.10	794.00	14.90	384.00	59.00	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	23.4	-1.10%	0.70	277.00	0.50	2,560.00	9.20	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	29.1	1.00%	1.40	366.00	2.40	2,739.00	10.60	1.40	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	28.5	0.20%	1.60	364.00	2.20	944.00	30.20	1.40	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.1	-0.80%	0.60	184.00	0.10	636.00	20.60	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.9	0.80%	2.20	194.00	1.20	(79.00)	-112.80	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	61.5	-0.80%	0.80	3,241.00	1.60	3,518.00	17.50	3.20	62.30%	18.70%
QNS	F&B	44.8	-0.20%	0.40	-	0.70	4,965.00	9.00	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	102.5	0.60%	0.80	574.00	1.60	(327.00)	-313.20	8.70	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	51.4	-0.20%	1.60	353.00	1.40	2,984.00	17.20	3.90	23.60%	21.90%
DBC	F&B	26	-0.90%	1.90	260.00	7.90	551.00	47.60	1.40	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	27.4	-1.10%	1.50	120.00	0.60	837.00	32.70	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.6	-0.20%	0.00	151.00	2.10	1,225.00	20.90	2.10	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	30.8	0.00%	1.60	168.00	1.50	2,162.00	14.20	1.60	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	29.2	-1.00%	1.00	160.00	0.30	1,370.00	21.30	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	37.4	-0.10%	1.50	162.00	3.70	5,742.00	6.50	1.30	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	89.4	3.00%	1.10	420.00	1.00	4,238.00	21.10	6.20	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	19.7	-1.00%	1.30	92.00	1.40	2,353.00	8.40	1.50	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

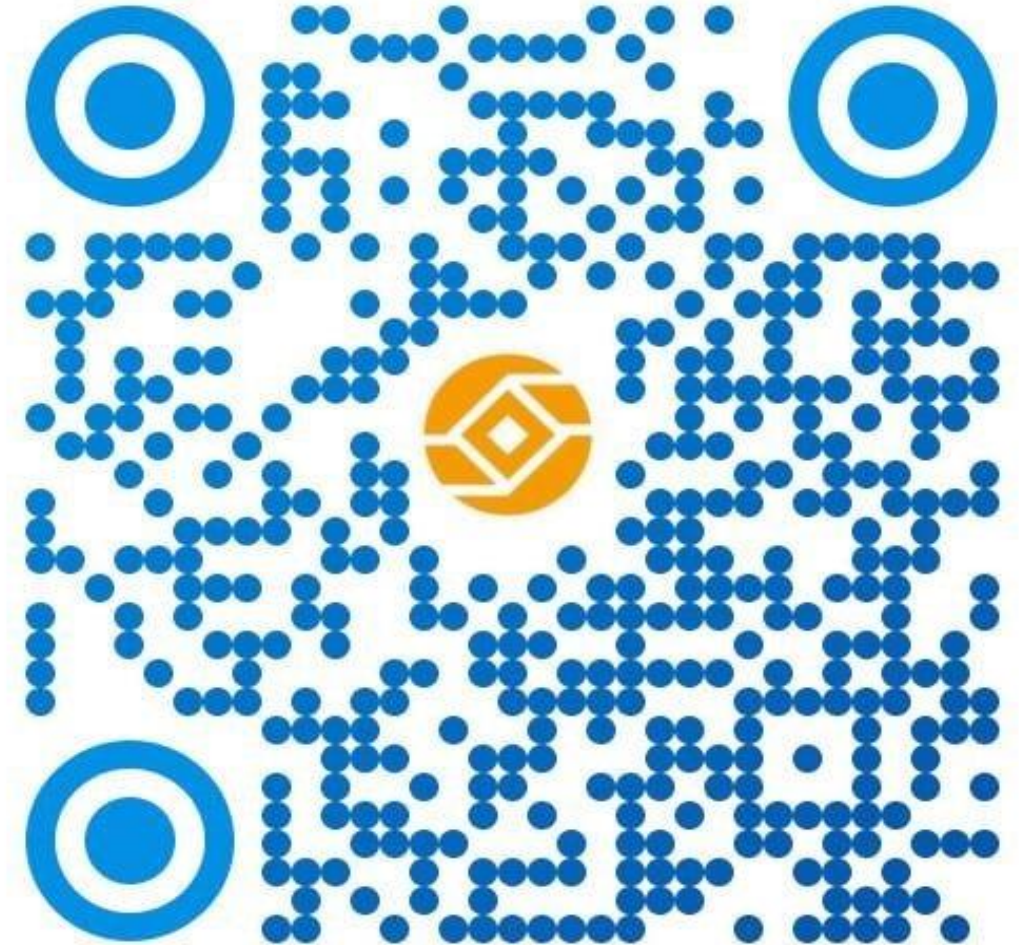
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký